

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 7 năm 2022
V/v: “Hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Hồng Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Văn Thị và ông Kiều Công Ích

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Năm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H; sinh năm 1987

Nơi c- trú: Khu 5, xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Anh Lê Tiến D; sinh năm 1983

Nơi đăng ký thường trú: Khu 5, xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam T - Cục C10, Bộ Công an (địa chỉ: xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ).

Chị H và anh D đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Lê Thị H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, chị H trình bày về nội dung và yêu cầu khởi kiện của mình như sau:

Chị và anh Lê Tiến D tự nguyện kết hôn với nhau ngày 12/11/2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lương Lỗ, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở chung với gia đình anh D tại xã L, huyện T. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D ham chơi, sử dụng ma túy. Năm 2019 anh D bị kết án tù về tội ma túy hiện vẫn đang phải chấp hành án tại Trại giam T, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm, tình cảm không còn vì vậy chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Tiến D.

- Về con chung: Chị Lê Thị H trình bày chị và anh Lê Tiến D có với nhau 01 con chung là Lê Thị Huyền T; sinh ngày 13/10/2005, hiện nay con chung đang ở với chị tại khu 5, xã L, huyện T. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác chị Lê Thị H trình bày chị và anh Lê Tiến D không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn là anh Lê Tiến D hiện đang chấp hành án phạt tù, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh D có lời khai về việc kết hôn và thời gian vợ chồng chung sống đúng như chị Lê Thị H đã trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhưng do anh nghiện ma túy và năm 2019 bị xử phạt 07 năm 06 tháng tù hiện đang phải chấp hành án tại Trại giam Tân Lập. Nay chị H xin ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

- Về con chung: Anh Lê Tiến D trình bày anh và chị Lê Thị H có 01 con chung là Lê Thị Huyền T; sinh ngày 13/10/2005 hiện đang ở với mẹ là chị H. Sau khi ly hôn anh đồng ý để chị H được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung anh Lê Tiến D chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn là anh Lê Tiến D đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam, các đương sự không yêu cầu hòa giải và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án quyết định xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Lê Tiến D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn do vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chính là do anh D ham chơi bời, sử dụng chất ma túy. Năm 2019, anh D phạm tội về ma túy bị kết án tù nhiều năm hiện vẫn đang phải chấp hành án tại Trại giam do vậy đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình cảm và mối quan hệ vợ chồng. Nay chị H xác định tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn, anh D cũng chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H. Xét yêu cầu ly hôn của đương sự là có căn cứ, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[3]. Về nuôi con chung sau ly hôn: Chị Lê Thị H và anh Lê Tiến D đều xác nhận có 01 con chung như đã trình bày ở trên. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh thực tế hiện nay của mỗi bên và lời trình bày của chị H thì con chung hiện ở với chị H và do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Về phía anh D đang phải chấp hành án phạt tù nên không đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con. Do vậy, việc giao con chung cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng sau khi ly hôn sẽ đảm bảo được quyền lợi và

sự phát triển của con chung, không trái nguyện vọng của con và phù hợp với quy định của pháp luật nên yêu cầu nuôi con của chị H được chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Do chị H tự nguyện không yêu cầu và anh D hiện cũng không có khả năng để cấp dưỡng vì vậy trong vụ án này không buộc anh D phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

[4]. Về tài sản chung và các vấn đề khác chị Lê Thị H trình bày chị và anh Lê Tiến D không có, còn anh D chưa yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này mà sẽ được giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác khi có yêu cầu.

[5]. Về án phí: Chị Lê Thị H là nguyên đơn phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba đã phát biểu quan điểm, xác định trong quá trình giải quyết xét xử vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của đương sự và giao cho chị Lê Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho chị Lê Thị H và anh Lê Tiến D được ly hôn.

- Về nuôi con chung sau ly hôn: Giao cho chị Lê Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Lê Thị Huyền T; sinh ngày 13/10/2005 (hiện nay con đang ở với chị H tại khu 5, xã L, huyện T). Anh Lê Tiến D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác không giải quyết trong vụ án này mà sẽ được giải quyết bằng vụ việc dân sự khác khi có yêu cầu.

- Về án phí: Chị Lê Thị H phải nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo “*Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án*” số AA/2020/0003407 ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã L;
- Các đ-ơng sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- L- u hồ sơ, án văn

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Tạ Hồng Tuấn